

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2021/DS-ST.
Ngày: 27-9-2021
V/v: “Tranh chấp bồi thường
thiệt hại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17A/2021/TLST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm: 1967 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C trình bày: Vào năm 2005, ông có cầm cố cho ông Nguyễn Văn S 10 công đất tầm 03m loại đất lúa với giá 40 chỉ vàng 24k (98%) và 6.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 03 năm, có làm giấy tay cố đất. Do có nhu cầu cần vốn làm ăn và cũng đến thời hạn chuộc nên ông đã thỏa thuận với ông S lấy lại số đất trên để chuyển nhượng cho người khác. Khi lấy lại phần đất trên, ông mới phát hiện ông S tự ý lấy đất của phần đất ruộng của ông để đắp nền nhà mà không thông qua ý kiến của ông, gây thiệt hại về tài sản đối với ông làm cho việc chuyển nhượng số đất trên bị mất giá so với giá đất tại địa phương. Thời điểm đó, giá mỗi công là 19 chỉ vàng 24k (98%) nhưng ông chỉ bán được giá 18 chỉ vàng 24k (98%) / 01 công tầm 03m. Phần đất của ông đo đạc thực tế là 14,3 công tầm 03m, ông bị thiệt hại là 14,3 chỉ vàng 24k (98%). Do đó, sau khi bán đất và trả tiền cầm cố đất cho ông S, ông đã giữ lại 10 chỉ vàng 24k (98%) và 6.000.000 đồng. Nay xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm, ông

khởi kiện yêu cầu ông S chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do số đất của ông bị mất giá là 14,3 chỉ vàng 24k (98%), 01 công tương ứng 01 chỉ vàng 24k (98%), 14,3 công là 14, 3 chỉ vàng 24k (98%).

Tại bản tự khai, ông Nguyễn Văn S không đồng ý bồi thường cho ông C số vàng trên. Ông S cho rằng bản thân ông C còn chưa thi hành án xong đối với khoản vàng tiền cầm cố đất cho ông là 10 chỉ vàng 24k (98%) và 6.000.000 đồng, đã được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng giải quyết bằng bản án số 116/2009/DS - ST vào năm 2009 buộc ông C trả cho ông 10 chỉ vàng 24k và 6.000.000 đồng. Nhưng nay không hiểu vì lý do gì ông C lại kiện ông. Đáng lẽ ra người thiệt hại là ông, đất đang cầm cố cho ông nhưng ông C lấy lại bán mà không trả tiền cố đất cho ông. Còn việc ông C cho rằng ông lấy đất của phần đất của ông đắp nền nhà, làm cho việc ông bán bị thiệt hại sao ông C không khởi kiện lúc đó mà đợi đến 10 năm sau mới khởi kiện, nên ông không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông C. Mặt khác, ông S có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện trên của ông C.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án được thực hiện đúng trình tự thủ tục do pháp luật tố tụng dân sự quy định. Tuy nhiên, thẩm phán còn vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, ông C yêu cầu ông S phải bồi thường thiệt hại cho ông 14,3 chỉ vàng 24k (98%) và 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 15/9/2021, ông C xác định chỉ yêu cầu ông S trả 14,3 chỉ vàng 24k (98%), không yêu cầu số tiền 6.000.000 đồng.

Việc cầm cố quyền sử dụng đất giữa hai bên đã thực hiện với nhau xong, khi nhận đất phía ông C cũng không có ý kiến gì, ông C còn nợ lại ông S 10 chỉ vàng 24k và 6.000.000 đồng nhưng ông không thực hiện nên ông S đã khởi kiện tại Tòa và đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, buộc ông C thực hiện nghĩa vụ trả số vàng và tiền trên cho ông S nhưng ông không thực hiện, đến nay ông C cho rằng ông S giao đất không đúng hiện trạng gây thiệt hại là không có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào chứng minh có thiệt hại số vàng trên nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông C. Mặt khác, ông C xác định đã bị thiệt hại xảy ra từ năm 2008 nhưng đến năm 2020 ông mới khởi kiện yêu cầu giải quyết và bị đơn ông S có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của vụ án nên căn cứ quy định tại Điều 607 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 588 của Bộ luật dân sự năm 2015 thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của ông C đã hết, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hùng C khởi kiện ông Nguyễn Văn S yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản nên đây là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng được quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và

ông S là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Hùng C yêu cầu ông Nguyễn Văn S bồi thường thiệt hại phát sinh từ việc giao trả phần đất cầm cố diện tích 14,3 công tầm 03 m, loại đất lúa không đúng hiện trạng, nên khi ông C chuyển nhượng phần đất trên cho người khác làm đất bị mất giá, tổng thiệt hại là 14,3 chỉ vàng 24k (98%), mỗi công là 01 chỉ vàng 24k (98%). Tuy nhiên, quá trình công khai chứng cứ và hòa giải, ông C có yêu cầu ông S bồi thường thiệt hại số tiền là 6.000.000 đồng. Tại biên bản làm việc với ông C, ông xác định không yêu cầu bồi thường 6.000.000 đồng và giữ nguyên yêu cầu bồi thường thiệt hại là 14,3 chỉ vàng 24k(98%). Xét yêu cầu khởi kiện trên của ông Nguyễn Hùng C, Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông và ông S thực hiện vào năm 2005, các bên đã thực hiện với nhau xong vào năm 2008, ông C đã nhận lại đủ số đất đã cầm cố từ ông S và đã chuyển nhượng số đất trên cho người khác, khi nhận lại đất ông C cũng không có ý kiến gì. Tuy nhiên, khi giao trả lại tiền cổ đất, ông C còn nợ lại ông S 10 chỉ vàng 24k và 6.000.000 đồng và không thực hiện việc giao trả, nên ông S đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng và vụ việc được giải quyết tại bản án số 116/2009/DS – ST và đã có hiệu lực pháp luật được đưa ra thi hành. Nhưng đến năm 2020, ông C cho rằng ông S giao đất không đúng hiện trạng gây thiệt hại nên đã khởi kiện. Lý do ông C cho rằng do hoàn cảnh gia đình nghèo, phải đi làm ăn nên không có thời gian khởi kiện. Tuy nhiên, ý kiến trên của ông C không có cơ sở. Mặc khác, theo quy định tại Điều 604 của Bộ luật dân sự năm 2005 và mục 1, phần 1 Nghị quyết số 03/2006/NQ – HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, căn cứ để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại là phải có thiệt hại xảy ra, có hành vi trái pháp luật, có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật và phải có lỗi của người gây thiệt hại. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, ông C không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh rằng ông C bị thiệt hại số vàng trên, ông S cũng không có hành vi trái pháp luật và có lỗi nên không đủ căn cứ để buộc ông S phải bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của ông C.

Tại biên lấy lời khai, ông C xác định thiệt hại xảy ra từ năm 2008, nhưng đến năm 2020 ông mới làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, thời điểm nhận đất ông đã biết quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình nên ông không khởi kiện ông S. Phía bị đơn ông S không chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của ông C và có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện của vụ án nên căn cứ quy định tại Điều 607 của Bộ luật dân sự năm 2005: *“thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là hai năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân..... bị xâm phạm”* ; Điều 588 của Bộ luật dân sự năm 2015: *“thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân ... bị xâm phạm”*.. Tính từ năm 2008, thời điểm ông C nhận

biết quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm đến năm 2020, thời điểm ông C khởi kiện đã trên 12 năm. Do đó, thời hiệu khởi kiện của vụ án đã hết và bị đơn ông Nguyễn Văn S không có yêu cầu phản tố nên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng C

[2]Về án phí: Do vụ án được đình chỉ giải quyết theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên áp dụng khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C đã nộp là 2.145.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005852 ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C về việc buộc ông Nguyễn Văn S bồi thường thiệt hại về tài sản 14,3 (mười bốn phẩy ba) chỉ vàng 24k (98%); do ông Nguyễn Văn S có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án và thời hiệu khởi kiện đã hết.

2. Về án phí: Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C đã nộp là 2.145.000 đồng (hai triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005852 ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cẩm Hương